

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/10/2021.
V/v Ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Đại.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh.

2. Bà Vũ Thị Hào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai: Bà Thái Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 467/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2020, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/7/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 144/2021/TB-TA ngày 13/10/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị TH, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Nhà không số, đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Nhà không số, đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ.

(Bà TH và ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà TH trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1977, do phải làm ăn kiếm sống và không hiểu biết pháp luật nên bà và ông T không đi đăng ký kết hôn. Đến năm 2006 hai bên phát sinh mâu thuẫn và đến nay không còn sống chung với nhau nữa.

Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T nên không thể tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên bà xin ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông T có 06 con chung tên là Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/01/1978; Ngô Thị Mỹ D, sinh ngày 03/4/1980; Ngô Thị Mỹ X, sinh ngày 11/5/1982; Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/02/1985; Ngô Thị Sa L, sinh ngày 01/01/1987; Ngô Thị Phà C, sinh ngày 26/8/1991. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông T trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông tự nguyện chung sống với bà TH từ năm 1977, nhưng không đăng ký kết hôn. Lý do không đăng ký kết hôn do không am hiểu pháp luật. Đến năm 2006 thì ông và bà TH xảy ra mâu thuẫn, đến nay đã ly thân với nhau. Bà TH xin ly hôn thì ông xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 06 con chung tên là Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/01/1978; Ngô Thị Mỹ D, sinh ngày 03/4/1980; Ngô Thị Mỹ X, sinh ngày 11/5/1982; Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/02/1985; Ngô Thị Sa L, sinh ngày 01/01/1987; Ngô Thị Phà C, sinh ngày 26/8/1991. Các con đã trưởng thành nên ông không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà TH và ông T tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1977 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà TH, bà TH được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 06 con chung tên là Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/01/1978; Ngô Thị Mỹ D, sinh ngày 03/4/1980; Ngô Thị Mỹ X, sinh ngày 11/5/1982; Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/02/1985; Ngô Thị Sa L, sinh ngày 01/01/1987; Ngô Thị Phà C, sinh ngày 26/8/1991. Các con đã trưởng thành các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà TH phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Ông Ngô Văn T cư trú tại: Nhà không số, đường C, ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Đ, nên đơn khởi kiện của bà TH thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về T tục tố tụng: Nguyên đơn bà TH và bị đơn ông T có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà TH và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà TH và ông T trình bày ông bà tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn từ năm 1977 cho đến nay.

Căn cứ giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đ ngày 03/03/2021 và của Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, tỉnh K ngày 18/6/2021 đều xác nhận: Bà Nguyễn Thị TH và ông Ngô Văn T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1977 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn và cũng không làm T tục đăng ký kết hôn với bất kỳ ai.

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, xác định quan hệ hôn nhân giữa bà TH và ông T được công nhận từ năm 1977.

Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà TH có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông T nên Tòa án áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà TH và ông T xảy ra từ khoảng đầu năm 2006 đến nay, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, hiện nay không còn chung sống với nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án ông T xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, ông đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định trên, đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà TH và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn có sự quan tâm, chăm sóc nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà TH, bà TH được ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà TH và ông T có 06 con chung tên là Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/01/1978; Ngô Thị Mỹ D, sinh ngày 03/4/1980; Ngô Thị Mỹ X, sinh ngày 11/5/1982; Ngô Thị Mỹ L, sinh ngày 01/02/1985; Ngô Thị Sa L, sinh ngày 01/01/1987; Ngô Thị Phà C, sinh ngày 26/8/1991. Các con đã trưởng thành các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà TH và ông T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà TH phải nộp 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và mục 1 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc thực hiện Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị TH.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị TH được ly hôn ông Ngô Văn T.

2. Về con chung: Bà TH và ông T có 06 con chung là Ngô Thị Mỹ Loan, sinh ngày 01/01/1978; Ngô Thị Mỹ Dung, sinh ngày 03/4/1980; Ngô Thị Mỹ Xuyên, sinh ngày 11/5/1982; Ngô Thị Mỹ Linh, sinh ngày 01/02/1985; Ngô Thị Sa Ly, sinh ngày 01/01/1987; Ngô Thị Phà Ca, sinh ngày 26/8/1991. Các con đã trưởng thành các bên không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị TH phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003444 ngày 27/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

Nguyên đơn, bị đơn được kháng cáo án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKS ND H. Vĩnh Cửu;
- THA DS H. Vĩnh Cửu;
- Lưu: Hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đại